TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Lên.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2018 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thị N, sinh năm 1981

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Phạm Văn C, sinh năm 1981

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp 9, xã N, huyện U , tỉnh Cà Mau

Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2018, lời trình bày có tại hồ sơ và tại phiên tòa của nguyên đơn, thể hiện: Vào năm 2009 chị N và anh C được hai bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau theo lễ cưới theo truyền thống, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 09/6/2009 (tại giấy chứng nhận kết hôn số 89/2009 – quyển số 01//2009). Thời kỳ chung sống giữa chị N và anh C không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh C. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Lời trình bày có tại hồ sơ và tại phiên tòa của nguyên đơn, thể hiện: Anh C thống nhất với lời trình bày của chị N về hôn nhân, về con chung là đúng sự thật.

Về tài sản chung và nợ chung: Có, nhưng vợ chồng tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay anh C yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với chị N. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc *"ly hôn",* nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị N và anh C không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và tại phiên tòa chị N cương quyết ly hôn với anh C, do đó xác định chị N và anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nên cần chấp nhận cho ly hôn giữa chị N và anh C là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[4] *Xét về con chung:* Không có.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Chị N cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, anh C vợ chồng cho rằng có tài sản chung và nợ chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận. Chị N và anh C không có yêu cầu Tòa án xem xét về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp, thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] *Xét về án phí:* Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Phạm Thị N và Phạm Văn C

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị N phải nộp 300.000 đồng, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0007844 ngày 27/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- UBND xã K;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung